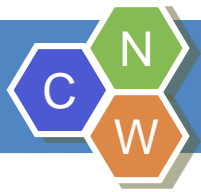


LẬP TRÌNH TRÊN MÔI TRƯỜNG WEB

CHƯƠNG 1: HTML – CSS – JAVA SCRIPT





GIỚI THIỆU HTML

1. HTML là gì?

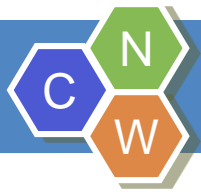
HyperText Markup Language (HTML) – Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản. Bao gồm các đoạn mã chuẩn với các quy ước được thiết kế để tạo các trang Web và được hiển thị bởi các trình duyệt Web.



Thiết kế web với HTML

2. Những ứng dụng của HTML

- HTML là nền tảng của World Wide Web, một dịch vụ toàn cầu của Internet.
- HTML để thiết kế Web trên mạng Internet, tạo tài liệu, gửi cáo thị... cho các công ty, cá nhân.

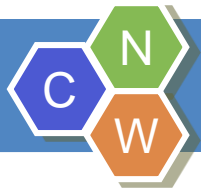


3. Trình soạn thảo trong quá trình học

- Sử dụng trình soạn thảo NotePad có sẵn trong Windows.

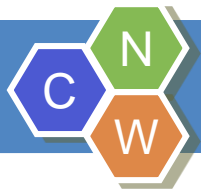
Start\Programs\Accessories\NotePad

- Hoặc một trình soạn thảo bất kỳ trong windows.
- Sublime Text, DreamWare, NotePad++, PHP Designed,...



4. Những vấn đề cần quan tâm khi thiết kế Web

- Tổ chức tài liệu: tựa đề, tiêu đề, đoạn văn, đường kẻ ngang, danh sách, bảng.
- Thu ngắn văn bản.
- Bố trí hình ảnh nhỏ gọn, hợp lý.



Thiết kế web với HTML

1.2. Tag (thẻ) HTML là gì?

Khi một Web browser hiển thị một trang Web, Web Browser sẽ đọc từ một file văn bản đơn giản và tìm kiếm những đoạn mã đặc biệt hay những Tag được đánh dấu bởi ký hiệu `<` và `>`.

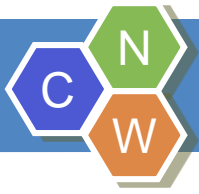
* Tag mang thông tin

`<tag_name>` String of text `</tag_name>`

Trong đó: `<tag_name>`: tag bắt đầu.

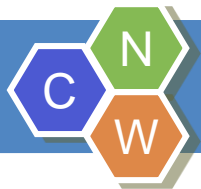
`</tag_name>`: tag kết thúc.

* **Tag rỗng:** `<tag_name>`



* **Web browser**

- Là trình duyệt Web, ví dụ: Microsoft Internet Explorer, FireFox, Opera, Netscape...



Thiết kế web với HTML

1.3. Cấu trúc cơ bản của một trang HTML

<html>

<head>

<title>tiêu đề trang</title>

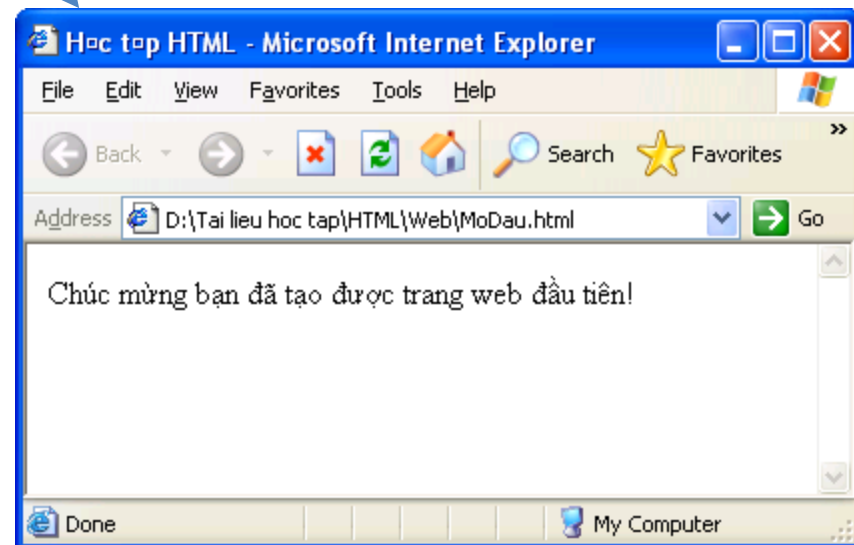
</head>

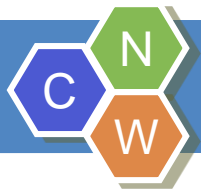
<body>

Văn bản hiển thị.

</body>

</html>





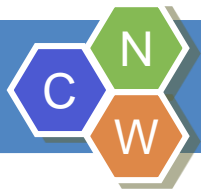
Thiết kế web với HTML

1.4. Tag chú thích.

<!--Nội dung chú thích -->.

❖ Thẻ **<!DOCTYPE>**

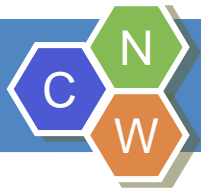
- Thẻ này dùng để ghi thông tin về version HTML áp dụng trong tài liệu web.
- Thường đây là dòng đầu tiên trong file HTML.
- Ví dụ:
- `<!DOCTYPE HTML PUBLIC "-//W3C//DTD HTML 4.0 Transitional//EN">`



1.5. Hiển thị tài liệu trong Web Browser

1.6. Tạo trang Web đầu tiên

- Mở chương trình soạn thảo Sublime Text.
- Sử dụng phông đánh tiếng việt: Unicode
- Soạn thảo đoạn mã sau:



Thiết kế web với HTML

```
<!--chương trình đầu tiên-->
```

```
<html>
```

```
  <head>
```

```
    <title> Học tập HTML</title>
```

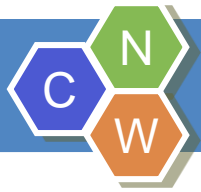
```
  </head>
```

```
  <body>
```

Chúc mừng bạn đã tạo được trang web đầu tiên!

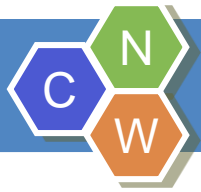
```
  </body>
```

```
</html>
```



2.1.3. Thực hành

Điều chỉnh lại tài liệu HTML của mình, tạo một trang HTML giới thiệu về một vài thành viên của lớp.



Thiết kế web với HTML

2.2. 6 mức tiêu đề

2.2.1. Những tiêu đề của HTML

Tag tiêu đề:

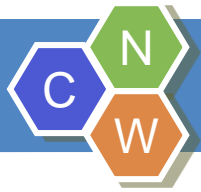
`<hN>Nội dung hiển thị</hN>`

N là số nguyên từ 1 đến 6.

Ví dụ:

`<h3>Tiêu đề thứ 3</h3>`

`<h6> Tiêu đề nhỏ nhất</h6>`



Thiết kế web với HTML

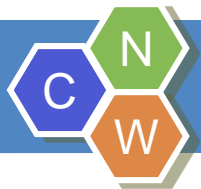
❖ **Đề tiêu đề ở giữa:**

`<hN align="center">Tiêu đề</hN>`

❖ **Đề tiêu đề bên phải:**

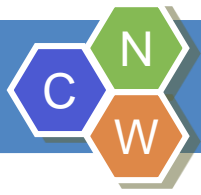
`<hN align="right">Tiêu đề</hN>`

• **Ví dụ**



2.2.2. Đặt những tiêu đề vào tài liệu html

- Ví dụ đoạn mã sau vào trong phần thân
`<body>...</body>`
`<h1>Tiêu đề lớn nhất</h1>`
`<h2>Tiêu đề lớn thứ hai</h2>`
`<h3>Tiêu đề thứ 3</h3>`
`<h4>Tiêu đề thứ 4</h4>`
`<h5>Tiêu đề thứ 5</h5>`
`<h6>Tiêu đề nhỏ nhất</h6>`



Thiết kế web với HTML

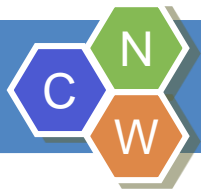
- ❖ Lưu tài liệu lại với phần mở rộng là `htm`.
- ❖ Mở thư mục làm việc để mở trang `html` của mình mới làm. Xem sự hiển thị 6 mức tiêu đề.



2.3. Chia văn bản ra thành nhiều đoạn

2.3.1. Chia đoạn trong HTML

- Tag chia đoạn: `<p>`
- Khi gặp `<p>` Web browser sẽ chèn một dòng trống và bắt đầu một đoạn mới.
- Tag `<p>` không cần tag kết thúc (`</p>`).



Thiết kế web với HTML

❖ 2.3.1. Căn chỉnh đoạn

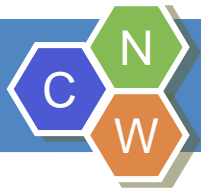
❖ Tag `<p align=align_type>`:

`align=align_type` dùng chỉ định căn đoạn mới, `align_type` là **center** hoặc **right**.

❖ Ví dụ:

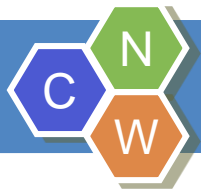
```
<p align="center">Chữ ở giữa</p>
```

```
<p align="right">Chữ bên phải</p>
```



2.3.2. Chèn các dấu chia đoạn

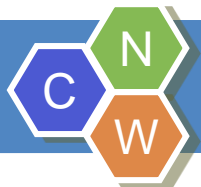
- Sử dụng tag `<p>` để tạo một trang HTML, trong đó có các đoạn văn bản riêng biệt.
- Dùng Web browser để kiểm tra công việc của mình.
- Ví dụ



2.4. Đường kẻ ngang

2.4.1. Tạo đường kẻ ngang

- **Tag hard rule `<hr>`:** chèn một đường thẳng trong trang html.
- **Tag `
`:** đẩy văn bản xuống dòng, nhưng không chèn thêm dòng trống.
- Tag `<blockquote>` đoạn văn bản `</blockquote>`: Toàn bộ đoạn văn bản thụt vào ở đầu dòng.
- Ví dụ

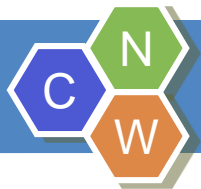


Thiết kế web với HTML

2.4.2. Định dạng thuộc tính cho đường kẻ.

Thuộc tính	Mô tả
Size	Thiết lập độ dày của đường kẻ ngang
Width	Tạo độ rộng(pixel) hay tỷ lệ phần trăm của đường thẳng so với độ rộng của cửa sổ Browser
Align	Căn lề cho đường thẳng (Left, right, center)
Noshade	Thay đổi thể hiện của đường kẻ ngang không có bóng

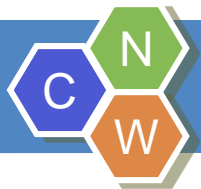
Thêm thuộc tính vào đường thẳng <Br thuộc tính = giá trị>



2.4.3.Thực hành

Tạo một trang tài liệu html giới thiệu về mình, các bạn trong lớp. Trong đó có dùng tiêu đề, các tag vừa học để phân mảng từng phần.

-
- Dùng “<” để viết ra ký tự “<”.
 - Dùng “>” để viết ra ký tự “>”.



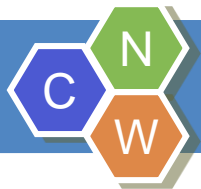
Thiết kế web với HTML

2.5. Làm việc với các kiểu mẫu

2.5.1. Các Tag style của HTML

- Tag ``**Chữ đậm**``.
- Tag `<i>`*Chữ nghiêng*`</i>`.
- Tag `<u>`Chữ gạch chân`</u>`.
- Tag `<s>`Chữ gạch giữa`</s>`.
- Tag `<tt>`Chữ đánh máy`</tt>`.

Ví dụ



2.5.2.Tag định dạng logic

❖ Tag đậm logic type

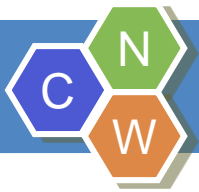
``Dòng này đậm``

❖ Tag nghiêng logic type

``*Dòng này nghiêng*``

❖ Tag gạch ngang logic type

`<strike>`Dòng này gạch giữa`</strike>`



Thiết kế web với HTML

❖ Tag kiểu đánh máy logic type

`<samp>Chữ đánh máy</samp>`

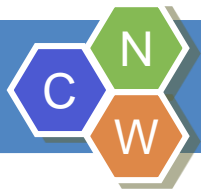
❖ Tag chỉ số trên

`x^y` ----> x^y

❖ Tag chỉ số dưới

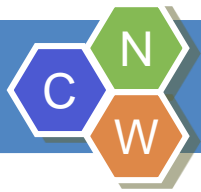
`x₂` ----> x_2

❖ Ví dụ



2.5.2. Áp dụng tag style vào trong tài liệu html

- Chúng ta có thể áp dụng linh hoạt các tag `...`, `<i>...</i>`, `<u>...</u>`, `<s>...</s>`, `<tt>...</tt>`,... để tạo các kiểu khác, như: ***đậm nghiêng***, *chữ đánh máy nghiêng*, **chữ đánh máy đậm**...



2.6.Danh sách

2.6.1.Danh sách không có thứ tự

- Sử dụng tag `...`: cho một danh sách các mục với những ký hiệu được đánh dấu phía trước.
- Tag `` chỉ ra từng mục cho một danh sách.

``

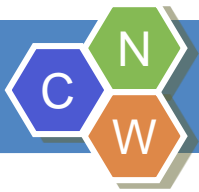
` Dong 1`

` Dong 2`

` Dong 3`

.....

``



Thiết kế web với HTML

❖ Ví dụ, ta có đoạn mã sau:

``

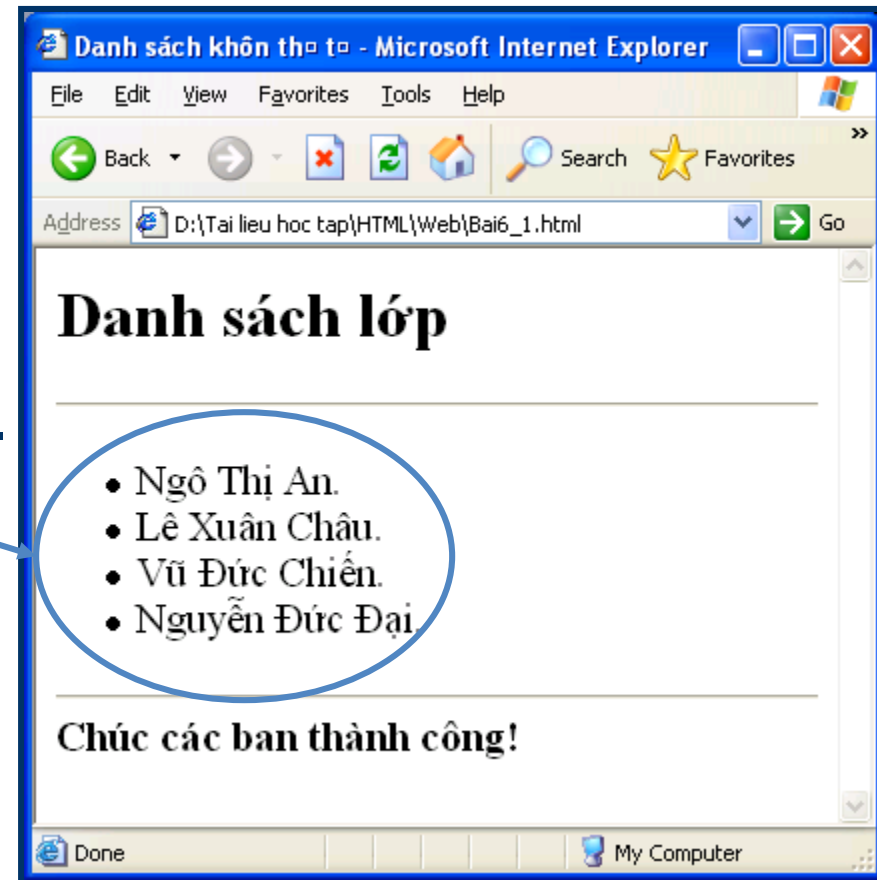
``Ngô Thị An.

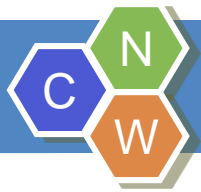
``Lê Xuân Châu.

``Vũ Đức Chiến.

``Nguyễn Đức Đại.

``

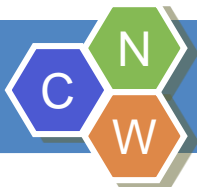




Thiết kế web với HTML

Ta thêm thuộc tính `type =`
`circle/square/disk` vào trong tag ``:

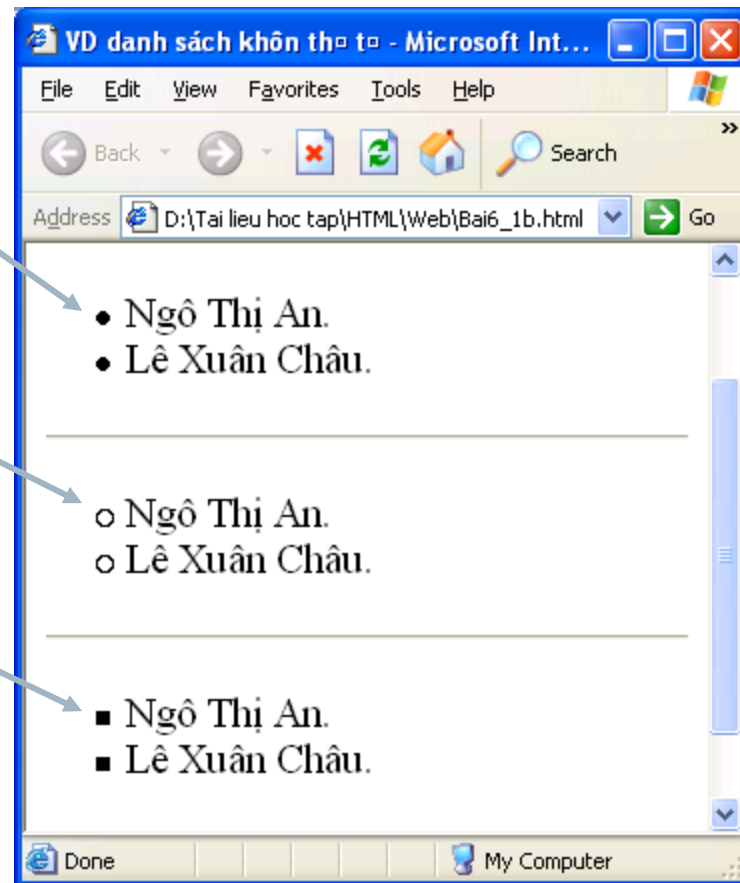
Thuộc tính	Mô tả
Type = disk	Dấu hình tròn
Type = square	Dấu hình vuông
Type = circle	Dấu hình tròn mở

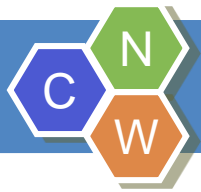


Thiết kế web với HTML

Ví dụ:

- `<ul type=disk>`
 `Ngô Thị An.`
 `Lê Xuân Châu.`
``
- `<ul type=disc>`
 `Ngô Thị An.`
 `Lê Xuân Châu.`
``
- `<ul type=square>`
 `Ngô Thị An.`
 `Lê Xuân Châu.`
``





Thiết kế web với HTML

2.6.2. Danh sách có thứ tự

- Là danh sách được Web browser đánh thứ tự từ 1 cho đến kết thúc danh sách.
- Dùng tag `...`
- `<ol start=N type = *>...`:
N là chỉ định số bắt đầu.
‘*’ có thể là: a, A, i, I.

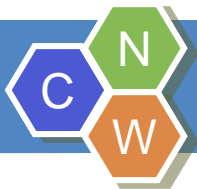
``

`` Dòng 1

`` Dòng 2

.....

``



Thiết kế web với HTML

❖ Ví dụ, ta có đoạn mã sau:

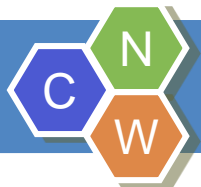
Ngô Thị An.

Lê Xuân Châu.

Vũ Đức Chiến.

Nguyễn Đức Đại.

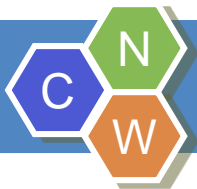




Thiết kế web với HTML

Đánh các dạng đánh số thứ tự

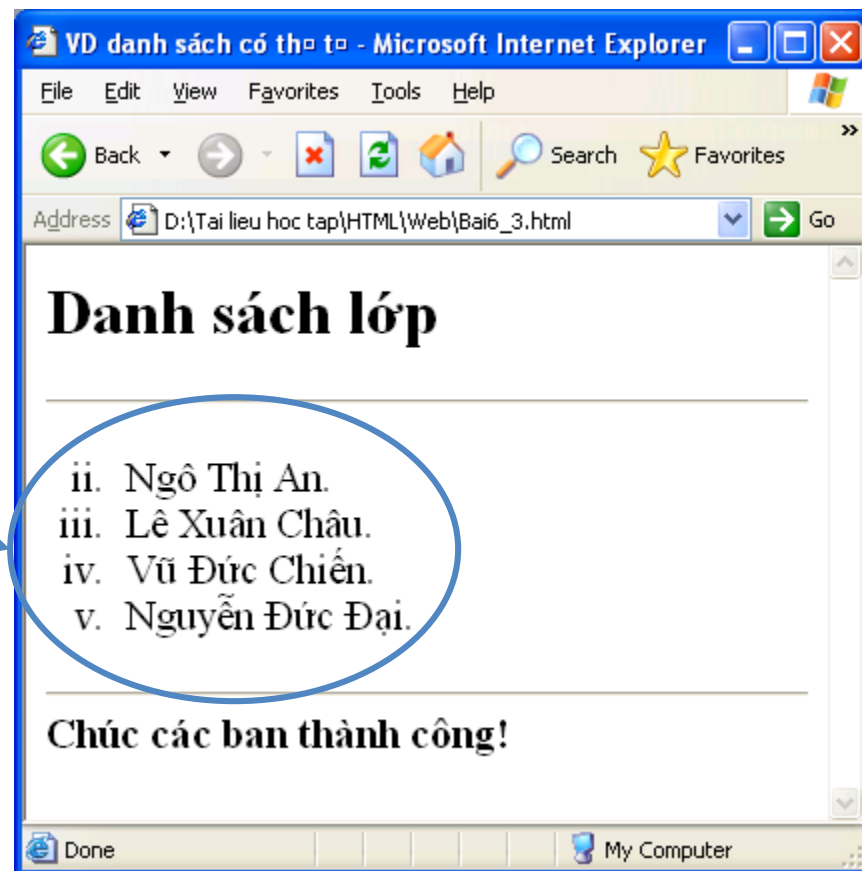
Thuộc tính	Mô tả
Type = A	Thiết lập ký tự chữ hoa.
Type = a	Thiết lập ký tự chữ thường
Type = I	Thiết lập chữ số La mã dạng chữ hoa
Type = i	Thiết lập chữ số La mã dạng chữ thường
Type = 1	Thiết lập kiểu số
Start = n	Tạo giá trị bắt đầu của danh sách là n

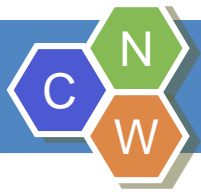


Thiết kế web với HTML

❖ Ví dụ, ta có đoạn mã sau:

```
<ol start=2 type=i>  
  <li>Ngô Thị An.  
  <li>Lê Xuân Châu.  
  <li>Vũ Đức Chiến.  
  <li>Nguyễn Đức Đại.  
</ol>
```

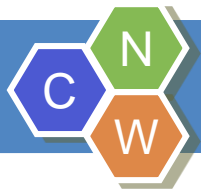




Mục 3: Thêm hình ảnh vào trang Web

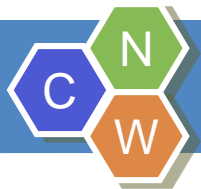
3.1. Các dạng hình ảnh của web

- Có nhiều dạng tệp tin hình ảnh: PICT, GIF, TIFF, BMP, JPEG, ...
- Dạng chuẩn có thể hiển thị trong một trang web là Gif.
- Dạng hình ảnh khác sử dụng trong web là Jpeg.



3.2 Vài điểm cần biết khi sử dụng đồ hoạ

- Kích thước hình ảnh càng nhỏ càng tốt, nên nhỏ hơn 100Kb.
- Các hình ảnh không nên rộng hơn 480 điểm và cao hơn 300 điểm.
- Hình ảnh là những thứ tạo thêm nghĩa cho tài liệu.
- Một hình ảnh nhỏ có thể xuất hiện nhiều lần trong một trang mà chỉ bị chậm rất ít thời gian.



3.3. Đưa hình ảnh vào trang web

- Nên để các hình ảnh vào một thư mục riêng (Ví dụ như thư mục `Image`).

•Cú pháp:

```
<img src=FileName.gif>
```

Trong đó `FileName.gif` là tên một hình ảnh dạng gif hoặc jpg để ở cùng thư mục với tài liệu HTML



3.4. Định dạng hình ảnh

3.4.1. Chiều cao, chiều rộng của hình ảnh.

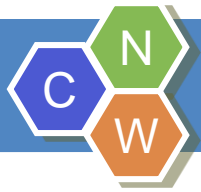
Tag:

```

```

Trong đó X là chiều rộng và Y là chiều cao của hình ảnh được tính bằng số điểm (pixel).

- Khi thêm hai thuộc tính **Width** và **height** giúp cho web hiển thị nhanh hơn.



Mục 4: Liên kết và URL

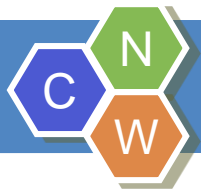
4.1. Hoạt động của các liên kết

- Các liên kết được biểu thị bởi chữ màu xanh có gạch dưới gọi là các anchor.
- Để tạo các liên kết: Tag `<a>.. (anchor).`
- Để chỉ địa chỉ liên kết đến ta dùng thuộc tính `HREF =.....` của Tag `<a>`



4.2.Thế nào là URL

- URL-Uniform Resource Locator-Địa chỉ tài nguyên thống nhất.
- URL là địa chỉ của trang web, khi kích chuột thường nó chuyển đến các tài liệu liên quan.



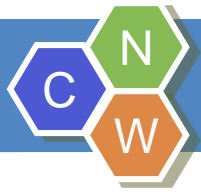
Thiết kế web với HTML

4.3. Cấu trúc của URL

URL bao gồm hai phần chính: giao thức (protocol) và đích truy cập (target).

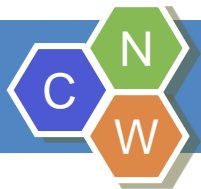
Giao thức chung trên web là `http://`, giao thức này nhận các tài liệu html.

Ngoài ra còn các giao thức khác như: `Gopher://`, `ftp://` và `telnet://`.



Thiết kế web với HTML

- URL tương đối: là URL trỏ đến trang thuộc cùng side với trang hiện hành, chỉ khác nhau tên tập tin.
- URL tuyệt đối: là URL trỏ đến trang riêng biệt từ bất cứ đâu trên internet.



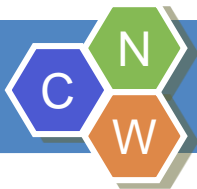
4.4. Các dạng liên kết

❖ Liên kết đến tập tin cục bộ

a) Liên kết đến tập tin cục bộ

Là liên kết đơn giản nhất để mở tập tin html trong cùng một thư mục. Có dạng:

```
<a href="đường_dẫn/tên_tập.htm"> đoạn text link  
</a>
```

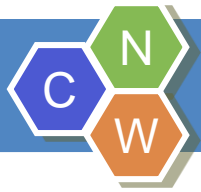


Thiết kế web với HTML

- Ví dụ: có đoạn mã
`Chi tiết...`

`
Nguyễn Đức Đại. `



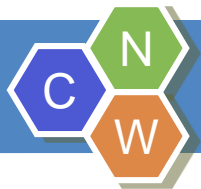


b) Liên kết Anchor đến một hình ảnh

- Đoạn mã lệnh:

```
<a href="đường_dẫn/image.gif">  
text link </a>
```

- Web browser sẽ tự động gọi hình ảnh về.



3. Liên kết đến các site Internet bên ngoài

Dạng đầy đủ:

```
<a href="URL">text link </a>
```

Ví dụ có đoạn mã

```
<a href = "http://www.vnn.vn">Tin tức VN</a>
```



4.4.3. Liên kết đến các phần của trang

- a) Anchor được đặt tên
 - Anchor được đặt tên là một dấu hiệu tham khảo ẩn cho một phần của tập tin html.
 - Được sử dụng để tạo liên kết đến phần khác của một trang khi trang đó dài.



4.4.4. Liên kết đến hình ảnh

a) Button siêu liên kết

- Ta cũng có thể gắn hình ảnh thay cho các text hyperlink.
- Để làm điều này, ta đặt tag hình ảnh vào trong phần siêu văn bản của tag Anchor.
- Ví dụ: trong đó có đoạn mã

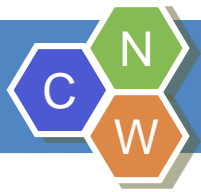
```
<a href="Bai8_3.html" target="_blank">  </a>
```




Thiết kế web với HTML

❖ Thực hành

- Thêm màu nền, ảnh nền, màu chữ vào các trang web của bạn.



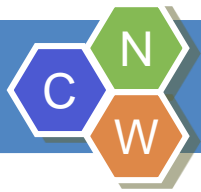
5.4. Xét thêm về sự chỉnh lề

5.4.1. Sự chỉnh lề văn bản

❖ **Ta có thể dùng tag:**

`<center> text </center>`

vẫn có tác dụng là căn đoạn văn bản ở giữa.



5.4.2. Chinh lề và sắp xếp văn bản

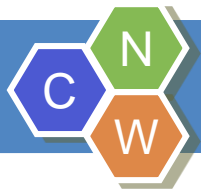
❖ **Còn một tag nữa cũng để chỉnh lề văn bản:**

`<div align=left> text </div>`

`<div align=right> text </div>`

`<div align=center> text </div>`

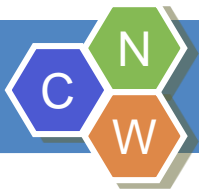
❖ **Ví dụ**



Mục 6: Bảng (Table)

6.1. Những tag cơ bản của bảng

<code><table></code>	<code><--Tạo bảng--></code>
<code><tr></code>	<code><--Đặc tả các dòng của bảng--></code>
<code><td> text </td></code>	
<code><td>...</td></code>	<code><--Đặc tả ô dữ liệu của bảng--></code>
<code></tr></code>	
<code><tr>...</tr></code>	
<code><tr></code>	
<code><td> text </td></code>	
<code><td>...</td></code>	
<code></tr></code>	
<code></table></code>	<code><--Giới hạn của bảng--></code>



Thiết kế web với HTML

❖ Ví dụ: tạo một bảng 2 hàng, 2 cột

```
<table border="1">
```

```
<tr>
```

```
<td> Hàng 1, cột 1 </td>
```

```
<td> Hàng 1, cột 2 </td>
```

```
</tr>
```

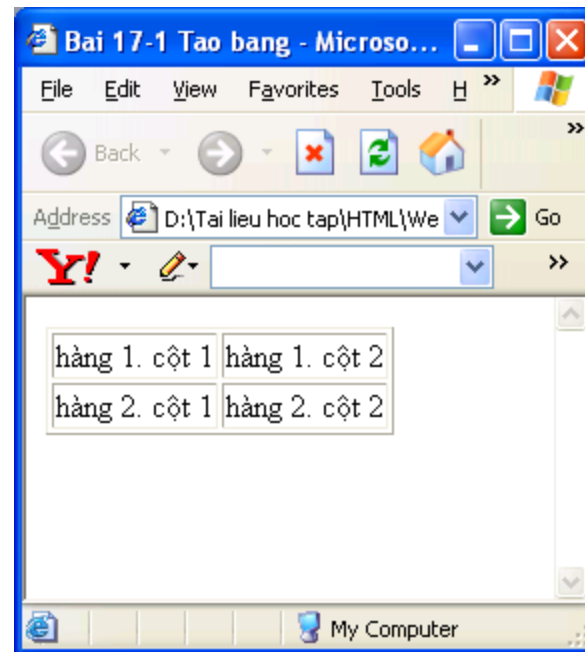
```
<tr>
```

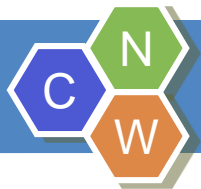
```
<td> Hàng 2, cột 1 </td>
```

```
<td> Hàng 2, cột 2 </td>
```

```
</tr>
```

```
</table>
```





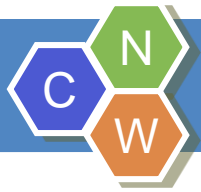
6.2. <TABLE>...<TABLE>

Có những thuộc tính sau:

`border = n`: tạo viền xung quanh bảng.

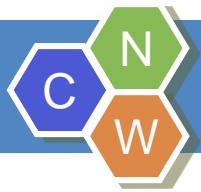
`cellpadding = N`: cho biết có bao nhiêu khoảng trắng giữa khối bên trong phần tử và vách ngăn.

`cellspacing = M`: Cho biết độ rộng của những đường bên trong bảng để chia các phần tử.



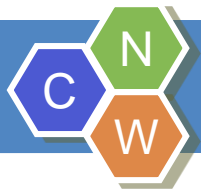
Thiết kế web với HTML

- `width = n | n%`, `height = m | m%` : định trước kích thước rộng/cao cho bảng.
- `align = left | right`: Cho phép bảng dóng lề trái hoặc phải.
- `valign = top | bottom`: để chỉnh lề trên hoặc giữa hoặc dưới.
- `bgcolor = #xxyyzz`: thiết lập màu nền của bảng.



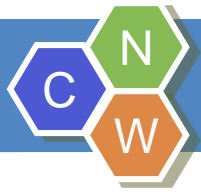
Thiết kế web với HTML

- `bordercolor = #xxyyzz`: thiết lập màu viền cho bảng.
- `bordercolorlight = #xxyyzz` : thiết lập màu nhạt hơn cho viền bảng 3 chiều.
- `bordercolordark = #xxyyzz` : thiết lập màu đậm hơn cho viền bảng 3 chiều.
- `background = "...image.gif|jpg"`: thiết lập nền cho các ô văn bản là hình ảnh với địa chỉ của nó.



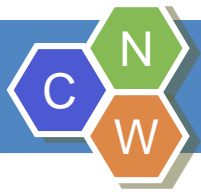
6.3. `<TR>...</TR>`

- ❖ Đặc tả dòng của bảng, số dòng của bảng bằng số phần tử `<TR>` trong cặp `<table>...</table>`.
- ❖ Một số thuộc tính:
 - `align = left | center | right`: để chỉnh lề trái/giữa/phải.
 - `valign = top | middle | bottom`: để chỉnh lề trên/giữa/dưới.



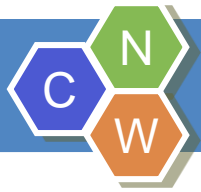
Thiết kế web với HTML

- `bgcolor`: đặc tả màu nền của hàng.
- `bordercolor`: đặc tả màu viền của bảng.
- `bordercolorlight`: thiết lập màu nhạt hơn cho màu viền 3 chiều.
- `bordercolordark`: thiết lập màu đậm hơn cho màu viền 3 chiều.



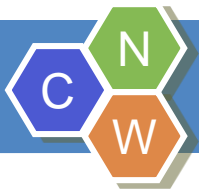
6.4. **<TD>...</TD>**

- ❖ Đại diện cho ô dữ liệu trong bảng, ô dữ liệu phải xuất hiện trong hàng của bảng.
 - `align = left | center | right`: để chỉnh lề trái/giữa/phải dữ liệu trong ô.
 - `valign = top | middle | bottom`: để chỉnh lề trên/giữa/dưới dữ liệu trong ô.
 - `width = n | n%`: đặc tả độ rộng của ô.
 - `hight = n | n%`: đặc tả chiều cao của ô.



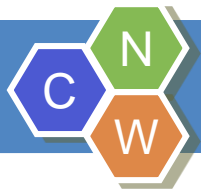
Thiết kế web với HTML

- `colspan = N`: Tạo một ô bằng N ô liền kề theo dòng.
- `rowspan = M`: Tạo một ô bằng M ô liền nhau theo cột.
- ngoài ra còn có các thuộc tính:
 - `bgcolor = #xxyyzz`.
 - `bordercolor = #xxyyzz`.
 - `bordercolorlight = #xxyyzz`.
 - `bordercolordark = #xxyyzz`.
 - `background = "...image..."`.



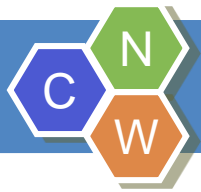
6.5. <TH>... </TH>

- ❖ Cũng giống tag `<td>` nhưng thường dùng cho tiêu đề của bảng, dòng text... sẽ được viết chữ đậm và căn giữa ô.
- ❖ `<TH>` có những thuộc tính sau:
 - `align = left | center | right`: để chỉnh lề trái/giữa/phải dữ liệu trong ô.



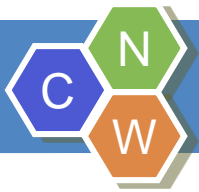
Thiết kế web với HTML

- `valign = top | middle | bottom`: để chỉnh lề trên/giữa/dưới dữ liệu trong ô.
- `width = n | n%`: đặc tả độ rộng của ô.
- `hight = n | n%`: đặc tả chiều cao của ô.
- `nowrap`: thiết lập cho những ô không muốn có dòng nào bị gãy để dữ liệu vừa khít với ô tiêu đề.
- `colspan = n`: đặc tả số cột của bảng mà ô này sẽ trộn lại thành 1. (mặc định = 1)



Thiết kế web với HTML

- `rowspan`: đặc tả số hàng của bảng mà ô này sẽ trộn lại thành một. (mặc định=1)
- `bgcolor = #xxyyzz`.
- `bordercolor = #xxyyzz`.
- `bordercolorlight = #xxyyzz`.
- `bordercolordark = #xxyyzz`.
- `background = "...image..."`.



Mục 8: FORM

8.1. Form

Form cho phép bạn nhận thông tin hay phản hồi từ người dùng.

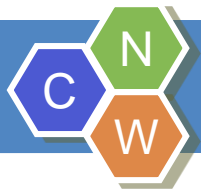
Tạo Form:

<form Method = <phương thức> Action = “URL”>

<input> yêu cầu thông tin bằng một trong nhiều cách khác nhau

</form>

<Phương thức>: nhận giá trị Post hoặc Get



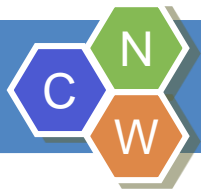
8.2. Trường văn bản và các thuộc tính.

```
<TextArea Name = "name" Rows = number  
          Cols = number Wrap = <value>>  
          Text.....  
< /TextArea>
```

Cho phép người dùng nhập nhiều dòng văn bản vào Form với số dòng và số cột cần hiển thị.

Text: Hướng dẫn người sử dụng nhập dữ liệu.

Value: OFF (giá trị mặc định) nếu không dùng Wrap.

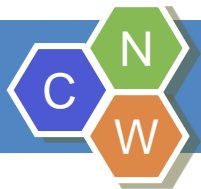


8.3. Text Box.

<Input Type = Text Name = “Text_name”

Size =number MaxLength= number>

Cho phép người dùng nhập một đoạn văn bản có chiều dài Size và chiều dài tối đa cho đoạn văn bản là MaxLength (Size < MaxLength)

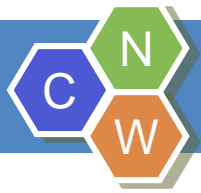


8.5. Check Box

**<Input Type = CheckBox Name = “name”
Value = “giá trị”> String**

Tuỳ chọn này được dùng khi có nhiều giá trị cho một tuỳ chọn.

Muốn xác định trạng thái mặc định của checkBox là đánh dấu hoặc không đánh dấu thì thêm một trong hai giá trị: **Checked** hoặc **UnChecked**
String: Là xâu thông báo lựa chọn.

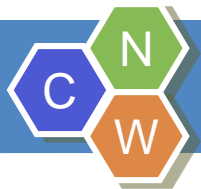


8.6. Radio Button

<Input Type = Radio Name = “name” Value = “giá trị”> String

Cho phép người dùng lựa chọn trong các tùy chọn được định trước.

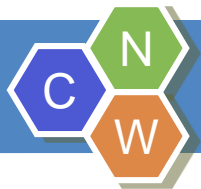
Thuộc tính **Name** phải giống nhau và thuộc tính **Value** phải khác nhau



8.7. Trường Hidden.

<Input Type = Hidden Name = “name” Value = “giá trị”>

Được thiết kế để truyền (ngầm) giá trị đến Web Server và Script. Giá trị truyền thường là một từ khoá, giá trị kiểm tra hay một chuỗi bất kỳ

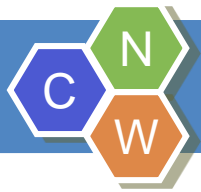


8.8. Submit Button.

<Input Type =Submit Value = “String”>

Dùng để chuyển dữ liệu trên Form mà người sử dụng đã nhập sang một trang mới.

String: Là dòng chữ ghi trên nút, nếu không có Value thì mặc định là Submit ghi trên nút

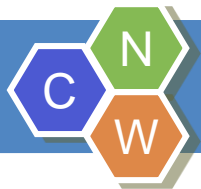


8.9. Reset Button.

<Input Type = Reset Value = “String”>

Dùng để xoá dữ liệu trên Form mà người sử dụng đã nhập, khởi động lại cho các phần tử trên Form.

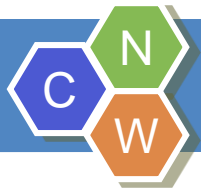
String: Là dòng chữ ghi trên nút, nếu không có **Value** thì mặc định là **Reset** ghi trên nút



8.10. ComboBox và ListBox.

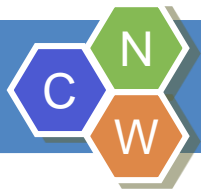
```
< Select Name = "name" Size = <giá trị> Multiple >  
    <Option Selected Value = "gia trị 1"> String  
    <Option Value = "gia trị 2"> String  
    <Option Value = "gia trị 3"> String  
    .....  
</Select>
```

- <Option>: Định nghĩa một phần tử trong danh sách.
- Multiple: Cho phép người dùng chọn cùng một lúc nhiều giá trị.



8.11. Nhận dữ liệu.

- `$_POST['name']`: Nhận dữ liệu dạng POST.
- `$_GET['name']`: Nhận dữ liệu dạng GET.



Thiết kế web với HTML

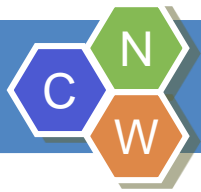
Bài tập thực hành

1. Nhập vào thông tin của một sinh viên(Họ tên, email, sđt, địa chỉ), sau đó in ra thông tin của sinh viên đó.

2. Tạo giao diện đăng gồm:

- Ô text nhập username*
- Ô text nhập password*
- Nút bấm đăng nhập*
- Nút bấm nhập lại dữ liệu*

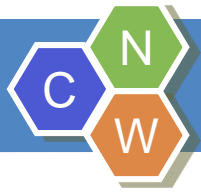
Dữ liệu đăng nhập gửi sang trang khác để KT



3. Form đăng ký

ĐĂNG KÝ	
Full name	<input type="text" value="Nhập fullname"/>
Username	<input type="text" value="Nhập tên"/>
Password	<input type="password" value="Nhập mật khẩu"/>
Nhập lại Password	<input type="password" value="Nhập lại mật khẩu"/>
Giới tính	<input type="radio"/> Nam <input type="radio"/> Nữ
Ngày sinh	<input type="text" value="Ngày 1"/> <input type="text" value="Tháng 1"/> <input type="text" value="Năm 2015"/>
Địa chỉ	<input type="text"/>
Avatar	<input type="button" value="Choose File"/> No file chosen
Sở thích	<input type="checkbox"/> Xem Phim <input type="checkbox"/> Thể Thao <input type="checkbox"/> Web
<input type="button" value="Reset"/> <input type="button" value="OK"/>	

- Thiết kế 1 trang giao diện dangky.php như dưới, thiết kế thêm trang ketqua.php
- Khi người dùng nhấn nút reset thì xóa toàn bộ dữ liệu trên trang đk về trạng thái ban đầu
- Khi người dùng nhấn nút OK thì gửi dữ liệu trên trang đk sang trang ketqua.php hiện thị thông tin theo từng dòng



Phụ lục

❖ **Đăng ký web ở**
<http://www.freewebs.com/>



Thank You!